



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2016

Ngành: **KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - TRUYỀN THÔNG**
 Chuyên ngành: *Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông*
 Mã số ngành: **52520207**

Tổng khối lượng kiến thức:
126 tín chỉ tích lũy

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	49	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			37	37	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
I.1.01	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
I.1.02	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
I.1.03	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
I.1.04	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
I.1.05	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			9	9	0	0	0	0	
I.3.01	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.3.02	NAS202	Toán cao cấp	3	3					
I.3.03	NAS204	Vật lý đại cương	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3	0	0	0	0	
I.4.01	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
I.5.01	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3					
I.5.02	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			6	6	0	0	0	0	
I.6.01	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
I.6.02	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3	3					
Phần tự chọn			12	12	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
I.7.01	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1		3					
I.7.02	SOS203	Các nền văn minh thế giới		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
I.7.03	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2		3					ENG201
I.7.04	MAR201	Marketing căn bản		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
I.7.05	NAS203	Thống kê ứng dụng		3					
I.7.06	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
I.7.07	MAN201	Quản trị học		3					
I.7.08	ECO201	Kinh tế học đại cương		3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			77	50	10	6	2	9	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			39	32	6	1	0	0	
II.1.01	ELE311	Nhập môn ngành Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông	2	2					
II.1.02	ELE319	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			ELE311
II.1.03	NAS305	Toán kỹ thuật	3	3					NAS202
II.1.04	ELE307	Linh kiện điện tử	2	2					
II.1.05	ELE315	Thực hành Linh kiện điện tử	1	1					
II.1.06	ELE308	Mạch điện	3	3					
II.1.07	ELE304	Đo lường và thiết bị đo	2	2					ELE308
II.1.08	ELE313	Thực hành Đo lường và thiết bị đo	1		1				ELE304
II.1.09	ELE302	CAD cho điện tử	2	2					ELE307
II.1.10	ELE309	Mạch điện tử 1	2	2					ELE307
II.1.11	ELE316	Thực hành Mạch điện tử 1	1		1				ELE309
II.1.12	ELE303	Điện tử số	2	2					ELE309
II.1.13	ELE312	Thực hành Điện tử số	1		1				ELE303
II.1.14	ELE310	Mạch điện tử 2	2	2					ELE309
II.1.15	ELE317	Thực hành Mạch điện tử 2	1		1				ELE310
II.1.16	ELE306	Kỹ thuật vi điều khiển	3	3					ELE303
II.1.17	ELE314	Thực hành kỹ thuật vi điều khiển	1		1				ELE306
II.1.18	ELE301	An toàn điện	2	2					ELE308
II.1.19	ELE320	Truyền số liệu và mạng máy tính	2	2					
II.1.20	ELE318	Thực hành Truyền số liệu và mạng máy tính	1		1				
II.1.21	ELE305	Đồ án cơ sở Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	2	2					
II.1.22	ELE321	Trường điện từ	2	2					NAS305
II.2. Các học phần chuyên ngành			29	18	4	5	2	0	
II.2a. Phần bắt buộc			25	14	4	5	2	0	
II.2a.01	ELE426	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	3	3					
II.2a.02	ELE424	Kỹ thuật truyền dẫn và chuyển mạch	3	3					ELE310
II.2a.03	ELE430	Thực hành Kỹ thuật truyền dẫn và chuyển mạch	1		1				ELE424
II.2a.04	ELE437	Xử lý số tín hiệu	2	2					NAS305, ELE310
II.2a.05	ELE432	Thực hành Xử lý số tín hiệu	1		1				ELE437
II.2a.06	ELE427	Thiết kế vi mạch	2	2					ELE303
II.2a.07	ELE431	Thực hành Thiết kế vi mạch	1		1				ELE427
II.2a.08	INT420	Lập trình nhúng	2	2					ELE306
II.2a.09	INT436	Thực hành Lập trình nhúng	1		1				INT420
II.2a.10	ELE436	Truyền sóng và anten	2	2					ELE321
II.2a.11	ELE422	Đồ án chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	2				2		ELE305
II.2a.12	ELE433	Thực tập 1 Kỹ thuật điện tử truyền thông	2			2			ELE305
II.2a.13	ELE434	Thực tập tốt nghiệp	3			3			ELE433
II.2b. Phần tự chọn			4	4	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)							

STT (1)	Mã HP (2)	Tên học phần (3)	Số tín chỉ						Mã HP học trước (10)
			Tổng (4)	LT (5)	TH/ TN (6)	TT (7)	ĐA MH (8)	KL TN (9)	
II.2b.01	ELE423	Hệ thống IoT	2	2					
II.2b.02	ELE429	Thông tin quang		2					
II.2b.03	ELE435	Truyền hình số và đa phương tiện		2					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	2						
II.2b.04	ELE425	Mạng cảm biến không dây và ứng dụng		2					
II.2b.05	INT415	Giao tiếp máy tính và thu thập dữ liệu		2					
II.2b.06	ELE428	Thông tin di động		2					
II.3. Các học phần tốt nghiệp			9	0	0	0	0	9	
II.3.01	ELE538	Đồ án tốt nghiệp đại học Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	9					9	ELE422
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
III.01		Tin học chuẩn đầu ra							
III.02		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
III.03		Kỹ năng mềm							
III.04	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
III.05	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
III.06	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
III.07	DEE101	Giáo dục quốc phòng 1	3	3					
III.08	DEE102	Giáo dục quốc phòng 2	2	2					
III.09	DEE103	Giáo dục quốc phòng 3	3		3				

Ghi chú:

Các học phần Kỹ năng mềm: SV liên hệ Viện Doanh trí Văn Hiến.

Các học phần Tin học chuẩn đầu ra, Ngoại ngữ chuẩn đầu ra: SV liên hệ Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học

(5): Số tín chỉ học lý thuyết trên lớp

(6): Số tín chỉ thực hành, thí nghiệm trên lớp, có GV hướng dẫn

(7): Số tín chỉ thực tập, thực tế tại doanh nghiệp

(8): Số tín chỉ đồ án môn học

(9): Số tín chỉ Khóa luận tốt nghiệp, Đồ án tốt nghiệp

KT. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

TRƯỞNG KHOA

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức